

**BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K**

Số: 3422 /BVK-VTTBYT
V/v mời báo giá vật tư y tế
lần 4 năm 2024 (đợt 3)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện K có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp vật tư y tế lần 4 năm 2024 (đợt 3) của Bệnh viện K với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện K
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khuất Văn Huy, Phòng vật tư – thiết bị y tế, Bệnh viện K (điện thoại: 0936.260.985)
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Số 30, Cầu Bươu, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
 - Nhận qua email: phongvttbyt.bvk@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 02 tháng 10 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 14 tháng 10 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

Theo danh mục chi tiết tại *Phụ lục 1* đính kèm Công văn này.

Báo giá theo mẫu *Phụ lục 2* đính kèm Công văn này

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Bệnh viện K 03 cơ sở

- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong thời gian ≤ 72 giờ kể từ ngày nhận được đặt hàng

- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không yêu cầu

- Các thông tin khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang TTĐT BVK;
- Lưu: VT, VTTBYT.

[Chữ ký]

GIÁM ĐỐC
[Chữ ký]
Lê Văn Quảng



Phụ lục 2: MẪU BÁO GIÁ
(Gửi kèm Công văn số 3422/BVK-VTBYT ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Bệnh viện K)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện K

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện K, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục vật tư y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾						Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thuế VAT (%)	Thành tiền (tính theo đơn giá) (VND)
		Thông số kỹ thuật mời báo giá	Thông số kỹ thuật báo giá	Tên thương mại	Mã, code hàng hóa (REF)	Hãng sản xuất	Phân loại TTBYT	Số đăng ký/ Số Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói								
1	Hóa chất A																
2	Hóa chất B																
n	...																

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

Tên cán bộ phụ trách khi cần liên hệ:

Số điện thoại:

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày... tháng... năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế (đã bao gồm VAT).
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.



BỘ Y TẾ

BỆNH VIỆN K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỆNH VIỆN K

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG VẬT TƯ Y TẾ CHỈ PHẪU THUẬT, VẬT LIỆU CẢM MÁU, BĂNG GẠC KHÁNG KHUẨN SỬ DỤNG CHO KHOÍNGOẠI

(Kèm theo Công văn số 3422 ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Bệnh viện K)

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chỉ khâu tiêu, tự nhiên, đa sợi, số 2-0 (USP)	- Thành phần: Chỉ bằng kén tằm, phủ silicon hoặc sáp - Chiều dài ≥ 60 cm - Số 2-0 (USP) - Không kim	Sợi	400.000
2	Chỉ khâu tiêu, tự nhiên, đa sợi, số 3-0	- Thành phần: Chỉ bằng kén tằm, phủ silicon hoặc sáp - Chiều dài ≥ 60 cm - Số 3-0 (USP) - Không kim	Sợi	300.000
3	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi Polyamide, số 2-0 (USP)	- Chỉ : + Thành phần: Polyamide 6 hoặc Polyamide 6.6 + Chiều dài ≥ 75cm + Số 2-0 (USP) - Kim: + 01 Kim tam giác hoặc tam giác ngược, 3/8C, phủ silicon. + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài 24mm - 26mm	Sợi	35.000
4	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi Polyamide, số 2-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyamide 6 hoặc Polyamide 6.6 + Chiều dài ≥ 75cm + Số 2-0 (USP) - Kim: + 01 Kim tam giác hoặc tam giác ngược, 3/8C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài 24mm - 26mm	Sợi	35.000

22

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
5	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi Polyamide, số 3-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyamide 6 hoặc Polyamide 6.6 + Chiều dài $\geq 75\text{cm}$ + Số 3-0 (USP) - Kim: + 01 Kim tam giác hoặc tam giác ngược, 3/8C, phủ silicon + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài 24mm - 26mm	Sợi	25.000
6	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi Polyamide, số 3-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyamide 6 hoặc Polyamide 6.6 + Chiều dài $\geq 75\text{cm}$ + Số 3-0 (USP) - Kim: + 01 Kim tam giác hoặc tam giác ngược, 3/8C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tốt thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài 24mm - 26mm	Sợi	25.000
7	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi Polyamide, số 4-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyamide 6 hoặc Polyamide 6.6 + Chiều dài $\geq 75\text{cm}$ + Số 4-0 (USP) - Kim: + 01 Kim tam giác hoặc tam giác ngược, 3/8C, phủ silicon + Chất liệu: thép không gỉ, + Chiều dài 19mm $\pm$ 1mm	Sợi	1.500
8	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi Polyamide, số 4-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyamide 6 hoặc Polyamide 6.6 + Chiều dài $\geq 75\text{cm}$ + Số 4-0 (USP) - Kim: + 01 Kim tam giác hoặc tam giác ngược, 3/8C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tốt thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài 19mm $\pm$ 1mm	Sợi	1.500

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
9	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi Polyamide, số 5-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyamide 6 hoặc Polyamide 6.6 + Chiều dài $\geq 75\text{cm}$ + Số 5-0 (USP) - Kim: + 01 Kim tam giác hoặc tam giác ngược, 3/8C, phủ silicon + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài $16\text{mm} \pm 1\text{mm}$,	Sợi	15.000
10	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi Polyamide, số 5-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyamide 6 hoặc Polyamide 6.6 + Chiều dài $\geq 75\text{cm}$ + Số 5-0 (USP) - Kim: + 01 Kim tam giác hoặc tam giác ngược, 3/8C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài $16\text{mm} \pm 1\text{mm}$	Sợi	15.000
11	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi Polypropylene, số 4-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polypropylene, phủ polyethylene glycol (PEG) + Chiều dài $\geq 90\text{ cm}$ + Số 4-0 (USP) - Kim: + 02 kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 20 - 22 mm	Sợi	3.600
12	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi Polypropylene, số 4-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polypropylene + Chiều dài $\geq 90\text{ cm}$ + Số 4-0 (USP) - Kim: + 02 kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 20 - 22 mm	Sợi	3.600

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi Polypropylene, số 5-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polypropylene + Chiều dài ≥ 75 cm + Số 5-0 (USP) - Kim: + 02 kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 13 mm $\pm$ 1mm.	Sợi	1.800
14	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi Polypropylene, số 5-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polypropylene, phủ polyethylene glycol (PEG) + Chiều dài ≥ 75 cm + Số 5-0 (USP) - Kim: + 02 kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 13 mm $\pm$ 1mm	Sợi	1.800
15	Chỉ không tiêu, tổng hợp, đơn sợi Polypropylene, số 5-0 (USP), kim dài 17 mm-18 mm	- Chỉ: + Thành phần: Polypropylene, phủ polyethylene glycol (PEG) + Chiều dài ≥ 90 cm + Số 5-0 (USP) - Kim: + 2 kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài 17 mm - 18mm	Sợi	5.000
16	Chỉ không tiêu, tổng hợp, đơn sợi Polypropylene, số 5-0 (USP), kim dài 17 mm-18 mm	- Chỉ: + Thành phần: Polypropylene + Chiều dài ≥ 90 cm + Số 5-0 (USP) - Kim: + 2 kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài 17 mm - 18mm	Sợi	5.000

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
17	Chỉ khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi Polydioxanone, số 3-0	- Chỉ: + Thành phần: Polydioxanone + Chiều dài ≥ 70 cm + Số 3-0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 26 mm $\pm$ 1mm	Sợi	15.000
18	Chỉ khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi Polydioxanone, số 3-0	- Chỉ: + Thành phần: Polydioxanone + Chiều dài ≥ 70 cm + Số 3-0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 26 mm $\pm$ 1mm	Sợi	5.000
19	Chỉ khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi Polydioxanone, số 4-0	- Chỉ: + Thành phần: Polydioxanone + Chiều dài ≥ 70 cm + Số 4-0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài 20mm $\pm$ 1mm	Sợi	15.000
20	Chỉ khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi Polydioxanone, số 4-0	- Chỉ: + Thành phần: Polydioxanone + Chiều dài ≥ 70 cm + Số 4-0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài 20mm $\pm$ 1mm	Sợi	5.000

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
21	Chỉ khâu tiêu, đơn sợi Glyconat, số 3-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Glyconate + Chiều dài $\geq 70\text{cm}$ + Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày + Số 3-0 - Kim: - 01 kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: 20mm - 22mm	Sợi	12.500
22	Chỉ khâu tiêu, đơn sợi Glyconat, số 3-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Glyconate + Chiều dài $\geq 70\text{cm}$ + Thời gian tiêu hoàn toàn > 90 ngày + Số 3-0 - Kim: - 01 kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: 20mm - 22mm	Sợi	12.500
23	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi Glyconat, số 4-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Glyconate + Chiều dài $\geq 70\text{cm}$ + Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày + Số 4-0 - Kim: - 01 kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: 20mm - 22mm	Sợi	15.000
24	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi Glyconat, số 4-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Glyconate + Chiều dài $\geq 70\text{cm}$ + Thời gian tiêu hoàn toàn > 90 ngày + Số 4-0 - Kim: - 01 kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: 20mm - 22mm	Sợi	15.000

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
25	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglycolic acid (PGA), số 1 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglycolic (PGA), phủ Polyglycaprolactone và Calcium stearate + Chiều dài ≥ 90 cm + Số 1 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, 1/2C, phủ silicon + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: 40mm $\pm$ 1mm	Sợi	15.000
26	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglycolic acid (PGA), số 1 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglycolic (PGA), phủ poly-glycolide-co-L-lactide (30/70) và calcium stearate + Chiều dài ≥ 90 cm - Số 1 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, 1/2C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài 40mm $\pm$ 1mm	Sợi	15.000
27	Chỉ khâu tiêu, đa sợi Polyglycolic acid (PGA), số 2 - 0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglycolic (PGA), phủ Polyglycaprolactone và Calcium stearate + Chiều dài ≥ 75 cm + Số 2 - 0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, 1/2C, phủ silicon + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: 26mm $\pm$ 1mm	Sợi	10.000
28	Chỉ khâu tiêu, đa sợi Polyglycolic acid (PGA), số 2 - 0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglycolic (PGA) phủ poly-glycolide-co-L-lactide (30/70) và calcium stearate + Chiều dài ≥ 75 cm + Số 2 - 0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, 1/2C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 26mm $\pm$ 1mm	Sợi	10.000

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
29	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglycolic acid (PGA), số 3-0(USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglycolic (PGA) , phủ Polyglycaprolactone và Calcium stearate + Chiều dài $\geq 75\text{cm}$ + Số 3-0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, 1/2C, phủ silicon + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: $26\text{mm} \pm 1\text{mm}$	Sợi	25.000
30	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglycolic acid (PGA), số 3-0(USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglycolic (PGA), phủ poly-glycolide-co-L-lactide (30/70) và calcium stearate + Chiều dài $\geq 75\text{cm}$ + Số 3-0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, 1/2C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: $26\text{mm} \pm 1\text{mm}$	Sợi	25.000
31	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglycolic acid (PGA), số 4-0(USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglycolic (PGA), phủ Polyglycaprolactone và Calcium stearate + Chiều dài $\geq 75\text{cm}$ + Số 4-0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, 1/2C, phủ silicon + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: $17\text{mm} - 26\text{mm}$	Sợi	500
32	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglycolic acid (PGA), số 4-0(USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglycolic (PGA), phủ poly-glycolide-co-L-lactide (30/70) và calcium stearate + Chiều dài $\geq 75\text{cm}$ + Số 4-0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, 1/2C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: $17\text{mm} - 26\text{mm}$	Sợi	500

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
33	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglycolic acid (PGA), số 5-0(USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglycolic (PGA), phù Polyglycaprolactone và Calcium stearate + Chiều dài $\geq 75\text{cm}$ + Số 5-0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, 1/2C, phủ silicon + Chất liệu: thép không gỉ + Chiều dài: 17mm - 26mm - Chỉ: + Thành phần: Polyglycolic (PGA), phù poly-glycolide-co-L-lactide (30/70) và calcium stearate + Chiều dài $\geq 75\text{cm}$ + Số 5-0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, 1/2C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 17mm - 26mm - Chỉ: + Thành phần: Polyglactin, có chất kháng khuẩn Triclosan, phù polyglactin 370 và Calcium Stearate + Lực căng giữ vết thương tối thiểu 75% sau 14 ngày + Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày + Chiều dài $\geq 90\text{ cm}$ + Số 1 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 40 mm $\pm$ 1mm	Sợi	500
34	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglycolic acid (PGA), số 5-0(USP)		Sợi	500
35	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglactine 910, số 1 (USP)		Sợi	5.000

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
36	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglactine 910, số 1 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglactin, phủ poly-glycolide-co-L-lactide (30/70) và calcium stearate + Lực căng giữ vết thương tối thiểu 75% sau 14 ngày + Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. + Chiều dài ≥ 90 cm + Số 1 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 40mm $\pm$ 1mm	Sợi	15.000
37	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglactine 910, số 1 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglactin, phủ caprolactone và calcium stearoyl lactylate, lực căng kéo 138 - 140% USP (tiêu chuẩn được diễn Mỹ và châu Âu) + Lực căng giữ vết thương tối thiểu 75% sau 14 ngày + Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày + Chiều dài ≥ 90 cm + Số 1 (USP) - Kim: + 01 Kim tròn, 1/2C, kim phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 40mm $\pm$ 1mm	Sợi	40.000
38	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglactine 910, số 2-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, phủ polyglactin 370 và Calcium Stearate + Lực căng giữ vết thương tối thiểu 75% sau 14 ngày + Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. + Chiều dài ≥ 75 cm + Số 2-0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 26 mm $\pm$ 1mm	Sợi	5.000

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
39	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglactine 910, số 2-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglactin, phủ poly-glycolide-co-L-lactide (30/70) và calcium stearate + Lực căng giữ vết thương tối thiểu 75% sau 14 ngày + Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. + Chiều dài ≥ 75 cm + Số 2-0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 26mm $\pm$ 1mm	Sợi	10.000
40	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglactine 910, số 2-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglactin, phủ caprolactone và calcium stearoyl lactylate, lực căng kéo 138 - 140% USP (tiêu chuẩn được diễn Mỹ và châu Âu) + Lực căng giữ vết thương tối thiểu 75% sau 14 ngày + Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày + Chiều dài ≥ 75 cm + Số 2-0 (USP) - Kim: + 01 Kim tròn, 1/2C, kim phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 26mm $\pm$ 1mm	Sợi	25.000
41	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglactine 910, số 3-0 (USP)	- Chỉ: + Thành phần: Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, phủ polyglactin 370 và Calcium Stearate + Lực căng giữ vết thương tối thiểu 75% sau 14 ngày + Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. + Chiều dài ≥ 75 cm + Số 3-0 (USP) - Kim: + 01 kim tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 26 mm $\pm$ 1mm	Sợi	5.000

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
42	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglactine 910, số 3-0 (USP)	- Chi: + Thành phần: Polyglactin, phụ poly-glycolide-co-L-lactide (30/70) và calcium stearate + Lực căng giữ vết thương tối thiểu 75% sau 14 ngày + Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. + Chiều dài ≥ 75 cm + Số 3-0 (USP) - Kim: + 01 Kim tròn, 1/2 C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tốt thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 26mm $\pm$ 1mm	Sợi	15.000
43	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi Polyglactine 910, số 3-0 (USP)	- Chi: + Thành phần: Polyglactin, phụ caprolactone và calcium stearoyl lactylate, lực căng kéo 138 - 140% USP (tiêu chuẩn được điện Mỹ và châu Âu) + Lực căng giữ vết thương tối thiểu 75% sau 14 ngày + Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày + Chiều dài ≥ 75 cm + Số 3-0 (USP) - Kim: + 01 Kim tròn, 1/2 C, kim phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tốt thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 26mm $\pm$ 1mm	Sợi	30.000
44	Chỉ khâu tiêu, đơn sợi có gai số 3/0 (USP)	- Chi: + Thành phần: copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate, có gai, hướng gai một chiều + Chiều dài ≥ 15cm + Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 180 ngày - Kim: + 01 kim tròn, 1/2C, phủ silicon + Chất liệu: hợp kim (tốt thiểu có Chrome, Niken) + Chiều dài: 26mm $\pm$ 1mm	Sợi	1.000

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
45	Vật liệu cầm máu, tự tiêu bằng Cellulose non-oxidized, chiều dài ≥ 5cm	- Thành phần: cellulose non-oxidized. - Thời gian cầm máu: 3-5 phút. - Hấp thu được lượng máu tới 2500% so với trọng lượng. - Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 7 ngày. - Kích thước: + Chiều dài ≥ 5 cm + Chiều rộng ≥ 5 cm	Miếng	3.000
46	Vật liệu cầm máu, tự tiêu bằng Cellulose non-oxidized, chiều dài ≥ 10cm	- Thành phần: cellulose non-oxidized. - Thời gian cầm máu: 3-5 phút. - Hấp thu được lượng máu tới 2500% so với trọng lượng. - Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 7 ngày. - Kích thước: + Chiều dài ≥ 10 cm + Chiều rộng ≥ 10 cm	Miếng	5.000
47	Vật liệu cầm máu, tự tiêu bằng Collagen, chiều dài ≥ 5cm	- Thành phần: Collagen, dạng bông xốp - Thời gian tiêu hoàn toàn ≤ 21 ngày. - Kích thước: + Chiều dài ≥ 8cm + Chiều rộng ≥ 5cm	Miếng	5.000
48	Vật liệu cầm máu Oxidized Regenerated Cellulose, dạng vải không dệt, chiều dài ≥ 2.5cm	- Thành phần: Oxidized regenerated cellulose, có thể bóc tách thành nhiều lớp với độ dày khác nhau. - Độ pH ≤ 3 - Thời gian tiêu tiêu hoàn toàn: 7-14 ngày - Thời gian đạt được sự cầm máu ≤ 90 giây - Số lớp vải không dệt ≥ 6 lớp - Kích thước: + Chiều dài ≥ 2.5 cm + Chiều rộng ≥ 5 cm	Miếng	1.000
49	Vật liệu cầm máu Oxidized Regenerated Cellulose, dạng bông xốp, chiều dài ≥ 2.5cm	- Thành phần: Oxidized regenerated cellulose, đường kính đồng nhất khoảng 20-22µm, có thể tách ra thành nhiều lớp, cắt nhỏ - Độ pH ≤ 3 - Thời gian tiêu hoàn toàn: 7 - 14 ngày - Kích thước: + Chiều dài ≥ 2.5 cm + Chiều rộng ≥ 5 cm	Miếng	1.000

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
50	Vật liệu cảm màu Oxidized Regenerated Cellulose, dạng bông ép, chiều dài ≥ 2.5 cm	- Thành phần: Oxidized regenerated cellulose, đường kính đồng nhất khoảng 20-22μm - Độ pH ≤ 3 - Thời gian tiêu hoàn toàn: 7 - 14 ngày - Kích thước: + Chiều dài ≥ 2.5 cm + Chiều rộng ≥ 5 cm	Miếng	1.000
51	Vật liệu cảm màu Oxidized Regenerated Cellulose, dạng lưới, chiều dài ≥ 5 cm	- Thành phần: Oxidized regenerated cellulose, đường kính đồng nhất khoảng 20-22μm - Độ pH ≤ 3 - Thời gian tiêu hoàn toàn: 7 - 14 ngày - Kích thước: + Chiều dài ≥ 5 cm + Chiều rộng ≥ 7.5 cm	Miếng	5.000
52	Vật liệu cảm màu Oxidized Regenerated Cellulose, dạng lưới, chiều dài ≥ 5 cm	- Thành phần: Oxidized regenerated cellulose. - Độ pH ≤ 3 - Thời gian tiêu sau hoàn toàn: 7 - 14 ngày - Kích thước: + Chiều dài ≥ 5 cm + Chiều rộng ≥ 7.5 cm	Miếng	5.000
53	Vật liệu cảm màu Oxidized Regenerated Cellulose, dạng bông xốp, chiều dài ≥ 10 cm	- Thành phần: Oxidized regenerated cellulose, đường kính đồng nhất khoảng 20-22μm, có thể tách ra thành nhiều lớp, cắt, xé, cuộn lại để đưa vào các vị trí nhỏ. - Độ pH ≤ 3 - Thời gian tiêu hoàn toàn 7 - 14 ngày - Kích thước: + Chiều dài ≥ 10 cm + Chiều rộng ≥ 5 cm	Miếng	1.000
54	Vật liệu cảm màu Oxidized Regenerated Cellulose, dạng bông ép, chiều dài ≥ 10 cm	- Thành phần: Oxidized regenerated cellulose, đường kính đồng nhất khoảng 20-22μm. - Độ pH ≤ 3 - Thời gian tiêu hoàn toàn: 7 - 14 ngày - Kích thước: + Chiều dài ≥ 10 cm + Chiều rộng ≥ 5 cm	Miếng	1.000

STT	Danh mục vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
55	Vật liệu cầm máu Oxidized Regenerated Cellulose, dạng lưới, chiều dài $\geq 20\text{cm}$	- Thành phần: Oxidized regenerated cellulose, đường kính đồng nhất khoảng $20\text{-}22\mu\text{m}$. - Độ pH ≤ 3 - Thời gian tiêu hoàn toàn: 7 - 14 ngày - Kích thước: + Chiều dài $\geq 20\text{ cm}$ + Chiều rộng $\geq 10\text{ cm}$	Miếng	5.000
56	Vật liệu cầm máu Oxidized Regenerated Cellulose, dạng lưới, chiều dài $\geq 20\text{cm}$	- Thành phần: Oxidized regenerated cellulose, nguồn gốc thực vật - Độ pH ≤ 3 - Thời gian tiêu hoàn toàn: 7 - 14 ngày - Kích thước: + Chiều dài $\geq 20\text{ cm}$ + Chiều rộng $\geq 10\text{ cm}$	Miếng	5.000
57	Băng gạc kháng khuẩn, chiều dài $\geq 15\text{cm}$	- Thành phần: Gạc kháng khuẩn tẩm Ion nano bạc - Hàm lượng Nano Ag: $0.008\text{-}0.030\text{ mg/cm}^2$ - Kích thước: + Chiều dài $\geq 15\text{cm}$ + Chiều rộng $\geq 9\text{cm}$	Miếng	2000
58	Băng gạc kháng khuẩn, chiều dài $\geq 25\text{cm}$	- Thành phần: Gạc kháng khuẩn tẩm Ion nano bạc - Hàm lượng Nano Ag: $0.008\text{-}0.030\text{ mg/cm}^2$ - Kích thước: + Chiều dài $\geq 15\text{cm}$ + Chiều rộng $\geq 9\text{cm}$	Miếng	3500
59	Băng gạc kháng khuẩn, chiều dài $\geq 25\text{cm}$	- Thành phần: Lớp PU film và lớp polyurethane foam tích hợp nano bạc và PHMB, hàm lượng: nano bạc $0.25\%\text{w/w}$, PHMB $1\%\text{w/w}$ - Kích thước: + Chiều dài $\geq 15\text{cm}$ + Chiều rộng $\geq 9\text{cm}$	Miếng	3500

